

Số: 41/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 16 tháng 02 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Ông Bùi Hồng Quốc P, sinh năm: 1973 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983;

Cùng nơi cư trú: Số 242, ấp M, xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: ông Bùi Hồng Quốc P và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/8/2020 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 05/02/2024, ông Bùi Hồng Quốc P và bà Nguyễn Thị T tự nguyện ly hôn với nhau là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có 02 con chung tên Bùi Nguyễn Phi L, sinh ngày: 01/11/2012 và Bùi Nguyễn Trung K, sinh ngày: 26/6/2020. Sau khi ly hôn, các bên thỏa thuận bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông Bùi Hồng Quốc P không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: ông Bùi Hồng Quốc P và bà Nguyễn Thị T cùng khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: ông Bùi Hồng Quốc P và bà Nguyễn Thị T cùng khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Bùi Hồng Quốc P và bà Nguyễn Thị T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Bùi Hồng Quốc P và bà Nguyễn Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: giao cho bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Nguyễn Phi L, sinh ngày: 01/11/2012 và Bùi Nguyễn Trung K, sinh ngày: 26/6/2020. Ghi nhận bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Bùi Hồng Quốc P cấp dưỡng nuôi con. Ông Bùi Hồng Quốc P được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông Bùi Hồng Quốc P và bà Nguyễn Thị T cùng khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: ông Bùi Hồng Quốc P và bà Nguyễn Thị T cùng khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Bùi Hồng Quốc P và bà Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông Bùi Hồng Quốc P và bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000970 ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- UBND xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Lê Hoàng Út**

